

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 156/2025/DS-ST
Ngày 19 – 9 – 2025
V/v tranh chấp hội

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Kim Kết.
Ông Châu Hải Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau.

Ngày 19 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2025/TLST-DS ngày 28 tháng 7 năm 2025 về việc “Tranh chấp hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2025/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Chí N, sinh năm 1976. Địa chỉ cư trú: Ấp P, xã T, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông Trần Văn N1, sinh năm 1971. Địa chỉ cư trú: Ấp P, xã T, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Bà Ngô Thị L, sinh năm 1975. Địa chỉ cư trú: Ấp P, xã T, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời trình bày tại phiên tòa của ông Nguyễn Chí N, thể hiện:*

Ông N có tham gia 02 chung trong dây hội do ông Trần Văn N1, bà Ngô Thị L mở vào ngày 30/02/2022 âm lịch, loại hội 1.000.000 đồng, tháng khai hai lần, gồm 48 chung, tiền hoa hồng khi hốt hội là 600.000 đồng/lần. Ngoài ra, ông N1, bà L cũng tham gia dây hội do ông N mở. Quá trình tham gia hội, ông N đã hốt một chung (không nhớ thời gian, không nhớ số tiền). Theo ông N, khi hốt hội được thời gian thì ông N1, bà L bỏ địa phương đi thì còn lại khoảng vài lần nữa thì mãn hội, sau đó giữa ông N và ông N1, bà L thỏa thuận cản trở xong chung hội này. Chung hội còn lại đến khi mãn thì ông N1, bà L không giao tiền cho ông N.

Vào tháng 5/2025 ông N có khởi kiện ông N1, bà L tại Tòa án, do ông N1, bà L trả 02 lần được số tiền 4.000.000 đồng nên ông N rút yêu cầu khởi kiện nhưng sau đó ông N1, bà L không thực hiện tiếp nên ông N tiếp tục khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, sau khi trừ tiền hoa hồng (600.000 đồng), tính lại số tiền hội được hưởng và số tiền ông N1, bà L đã trả thì ông N yêu cầu ông N1, bà L trả lại số tiền còn lại là 41.400.000 đồng.

** Đối với ông Trần Văn N1, bà Ngô Thị L:* Mặc dù đã được tổng đạt các văn bản tố tụng về yêu cầu khởi kiện của ông N nhưng các đương sự không có ý kiến và không tham gia hòa giải, xét xử tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Trần Văn N1 và bà Ngô Thị L đã được triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là phù hợp.

[2] Tại phiên tòa, ông Nguyễn Chí N thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, ông N yêu cầu ông N1, bà L trả lại số tiền hội 41.400.000 đồng là không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Theo đơn khởi kiện và lời trình bày tại phiên tòa của ông N phù hợp với danh sách hội đã giao nộp cho Tòa án, thể hiện: Ông N có tham gia 02 chung trong đây hội do ông Trần Văn N1, bà Ngô Thị L mở vào ngày 30/02/2022 âm lịch, loại hội 1.000.000 đồng, tháng khui hai lần, gồm 48 chung. Theo ông N xác định: Ông đã hót một chung hội, sau khi ông N1, bà L bỏ đi thì các bên đã thỏa thuận đối trừ xong nghĩa vụ đối với chung hội này. Chung hội còn lại đã mãn nhưng ông N1, bà L không giao tiền hội cho ông N; ngoài ra, ông N xác định ông N1, bà L còn trả 02 lần được số tiền 4.000.000 đồng; đối trừ tiền hoa hồng, tính lại số tiền hội được hưởng và số tiền ông N1, bà L đã trả thì ông N yêu cầu ông N1, bà L trả lại số tiền còn lại là 41.400.000 đồng. Ông N1, bà L không có ý kiến phản đối về các nội dung này nên đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Từ sự phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc ông N khởi kiện yêu cầu ông N1, bà L trả lại số tiền hội còn thiếu 41.400.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông N1, bà L phải chịu là: $41.400.000 \text{ đồng} \times 5\% = 2.070.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 244 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật Dân sự; Điều 27 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hội, họ, biểu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Chí N.

Buộc ông Trần Văn N1, bà Ngô Thị L trả cho ông N số tiền hội còn thiếu là 41.400.000 đồng (bốn mươi một triệu bốn trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông N cho đến khi thi hành án xong khoản tiền, thì hàng tháng ông N1, bà L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần Văn N1, bà Ngô Thị L phải chịu 2.070.000 đồng (hai triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng).

- Ông Nguyễn Chí N không phải chịu. Hoàn trả lại cho ông N số tiền đã nộp tạm ứng 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0011954 ngày 28/7/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Cà Mau;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn

